

LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN _____

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– củng cố và nâng cao hiểu biết về yêu cầu và cách thức xây dựng lập luận đã học ở THCS : khái niệm về lập luận, cách xác định luận điểm, tìm luận cứ và sử dụng các phương pháp lập luận.

– Xây dựng được lập luận trong bài nghị luận.

B - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là bài học đầu tiên ở lớp 10 về văn nghị luận. Thời gian dành cho học kiểu loại văn bản này rất ít. Bởi vậy, nhìn chung các tiết học chỉ nhằm ôn tập, hệ thống hoá các kiến thức đã học ở THCS và luyện tập để nâng cao một số kĩ năng cơ bản như cách lập luận, các thao tác nghị luận, lập dàn ý bài văn nghị luận. Trên tinh thần đó, bài học này chỉ đặt ra yêu cầu củng cố những tri thức và kĩ năng về lập luận đã học ở THCS. HS cần hiểu khái niệm lập luận và cách xây dựng lập luận trên những nét chung nhất để chuẩn bị học sâu hơn, rộng hơn ở các lớp trên.

2. Trọng tâm bài học

Bài học gồm hai đơn vị kiến thức : *Khái niệm về lập luận trong bài văn nghị luận* và *Cách xây dựng lập luận*. Trọng tâm lí thuyết và thực hành luyện tập là đơn vị kiến thức sau (*Cách xây dựng lập luận*).

II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp

Như trên đã nói, các tri thức và kĩ năng trong bài học này không thật mới đối với HS. Bởi vậy, không nhất thiết phải hình thành các tri thức theo con đường quy nạp mà có thể cho HS nhắc lại những tri thức đã học, sau đó tiến hành luyện tập để khắc sâu và hoàn chỉnh kiến thức.

Ví dụ, khi học mục *Xác định luận điểm*, GV cho HS nhắc lại tri thức về luận điểm, sau đó luyện tập phân tích luận điểm trong bài *Chữ ta* của Hữu Thọ.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm về lập luận trong bài văn nghị luận

GV yêu cầu HS đọc đoạn văn lập luận của Nguyễn Trãi trích trong văn bản *Lại dụ Vương Thông* và trả lời hai câu hỏi (a), (b) nêu ở dưới.

Gợi ý:

– Dích của lập luận: Nay các ông (giặc Minh – bọn Vương Thông) không hiểu thời thế, lại đối trá, tức là “kẻ thất phu hèn kém” thì làm sao “cùng nói việc binh được”.

– Các luận cứ đều là lí lẽ. Xuất phát từ một chân lí tổng quát “Người dùng binh giỏi là ở chỗ biết xét thời thế...” mà suy ra hai hệ quả: “được thời có thể thì biến mất làm còn, hoá nhỏ thành lớn” và “mất thời không thể thì mạnh quay thành yếu, yên chuyển làm nguy”. Đó chính là những cơ sở để khẳng định bọn Vương Thông không hiểu thời thế, lại đối trá nên chỉ là “kẻ thất phu hèn kém”, cầm chắc thất bại.

Sau khi phân tích xong lập luận, ôn lại những hiểu biết đã học, HS thảo luận và rút ra khái niệm thế nào là một lập luận (xem phần *Ghi nhớ* trong SGK).

b) Hướng dẫn HS tìm hiểu cách xây dựng lập luận

Như ở mục phương pháp đã nói, khi dạy phần này GV cho HS nhắc lại tri thức về luận điểm, luận cứ và cách lập luận (phương pháp lập luận) đã học ở THCS. Thời gian chủ yếu dành cho luyện tập phân tích các lập luận trong hai ngữ liệu ở mục I và II (SGK).

– Xác định luận điểm: GV cho HS đọc SGK để hiểu thế nào là luận điểm và tìm luận điểm trong bài *Chữ ta* của Hữu Thọ.

Gợi ý: Văn bản *Chữ ta* có hai luận điểm cơ bản:

+ Tiếng nước ngoài (tiếng Anh) đang lấn lướt tiếng Việt trong các bảng hiệu, quảng cáo ở nước ta.

+ Một số trường hợp tiếng nước ngoài được đưa vào báo chí một cách không cần thiết, gây thiệt thòi cho người đọc.

– Tìm luận cứ: HS đọc SGK và phát biểu quan niệm về luận cứ. Sau đó, tìm luận cứ cho các luận điểm trong hai ngữ liệu ở SGK.

+ Các luận cứ của cả hai luận điểm trong văn bản *Chữ ta* đều là những bằng chứng thực tế “mắt thấy tai nghe” của chính người viết đã từng ở Xơ-un (Hàn Quốc) và Việt Nam.

+ Các luận cứ trong lập luận của Nguyễn Trãi đều là lí lẽ.

– Lựa chọn phương pháp lập luận:

HS đọc SGK để nắm khái niệm về phương pháp lập luận rồi thực hiện hai yêu cầu (a) và (b) trong SGK.

Gợi ý:

+ Lập luận ở ngữ liệu mục I : Lập luận theo phương pháp diễn dịch và quan hệ nhân – quả.

+ Lập luận ở ngữ liệu mục II : Phương pháp quy nạp và so sánh đối lập.

HS kể thêm một số phương pháp lập luận thường gặp trong văn nghị luận (phương pháp phản đề, phương pháp loại suy,...).

c) *Củng cố, hệ thống hoá kiến thức*

GV yêu cầu 2, 3 HS đọc phần *Ghi nhớ* trong SGK.

III - KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra, đánh giá được tiến hành đi đôi với quá trình dạy học qua việc nhắc lại kiến thức đã học ở THCS về lập luận, qua việc thực hiện các nhiệm vụ được giao khi nghiên cứu lí thuyết và qua việc thực hiện phần *Luyện tập*. Theo dõi cách làm, kết quả giải các bài tập, GV có thể phát hiện điểm mạnh, điểm yếu của HS. Tối thiểu GV cũng hướng dẫn HS chữa được bài tập 1 ngay trên lớp.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Bài tập này yêu cầu HS tìm và phân tích các luận điểm, luận cứ và phương pháp lập luận.

– Luận điểm của lập luận : Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại rất phong phú, đa dạng.

– Các luận cứ của lập luận :

+ Các luận cứ lí lẽ : Chủ nghĩa nhân đạo biểu hiện ở lòng thương người ; lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp lên con người ; khẳng định, đề cao con người,...

+ Các luận cứ thực tế khách quan : Liệt kê các tác phẩm cụ thể giàu tính nhân đạo trong văn học trung đại Việt Nam từ văn học Phật giáo thời Lí đến các tác phẩm thuộc giai đoạn văn học thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX.

+ Phương pháp lập luận : Lập luận theo phương pháp quy nạp.

Chú ý : Cần phân biệt giữa phương pháp lập luận và cách trình bày lập luận. Hai lĩnh vực này không hoàn toàn thống nhất với nhau.

Bài tập 2

Bài tập đưa ra ba ý kiến (quan điểm) như là các luận điểm và yêu cầu tìm các luận cứ cho từng luận điểm một. Sau đây là các luận cứ cho từng luận điểm.

- a) Đọc sách đem lại cho ta nhiều điều bổ ích.
 - Đọc sách nâng cao tầm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.
 - Đọc sách giúp ta khám phá ra chính bản thân mình.
 - Đọc sách chắp cánh cho ước mơ và sáng tạo.
 - Đọc sách giúp cho việc diễn đạt tốt hơn.
- b) Môi trường đang bị ô nhiễm nặng nề.
 - Đất đai bị xói mòn, sa mạc hoá.
 - Không khí bị ô nhiễm.
 - Nước bị nhiễm bẩn không thể tưới cây, không thể ăn uống, tắm rửa.
 - Môi sinh đang bị tàn phá, đang bị huỷ diệt.
- c) Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng.
 - Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.
 - Văn học dân gian là những tác phẩm truyền miệng.

Bài tập 3

HS tự chọn một trong ba lập luận vừa xây dựng ở bài tập 2 để viết thành một đoạn văn.

Sau đây là một ví dụ :

Sách đưa đến cho người đọc những hiểu biết mới mẻ về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về những đất nước và những dân tộc xa xôi. Những quyển sách khoa học có thể giúp người đọc khám phá ra vũ trụ vô tận với những quy luật của nó, hiểu được Trái Đất tròn mang trên mình nó bao nhiêu đất nước khác nhau với những hoàn cảnh thiên nhiên khác nhau. Những quyển sách xã hội học lại giúp ta hiểu biết về đời sống con người trên các phần đất khác nhau đó với những đặc điểm về kinh tế, lịch sử, văn hoá, những truyền thống, những khát vọng.

(Trần Thanh Đạm (Chủ biên), *Làm văn 10*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)